

Thứ	Tiết	A1	A2	A3	B1	B2	B3	B4	C1	C2	C3
Thứ 2	1	Tiếng anh (Trang)	Toán (Q.Tâm)	Địa lí (Thảo)	HDTN (Nhàn)				Ngữ Văn (Huyền)	Sinh học (Ngát)	Ngữ Văn (Quân)
	2	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT	SHNT
	3	Ngữ Văn (Quân)	Ngữ Văn (Linh)	Vật lí (Dũng)	HDTN (Nhàn)				Lịch sử (Hương)	Toán (Mạnh)	Toán (Phượng)
	4	Ngữ Văn (Quân)	Ngữ Văn (Linh)	Vật lí (Dũng)					Lịch sử (Hương)	Toán (Mạnh)	Toán (Phượng)
	5										
Thứ 3	1	Sinh học (Ngát)	Địa lí (Thảo)	Ngữ Văn (Quân)	Lịch sử (Huệ)	Địa lí (Vĩnh)	Toán (Trường)	Tiếng anh (Trang)	Lịch sử (Hương)	Địa lí (Chính)	Sinh học (Đức)
	2	Vật lí (Dũng)	Lịch sử (Hương)	Ngữ Văn (Quân)	Tiếng anh (Trang)	Lịch sử (Huệ)	Địa lí (Vĩnh)	Hóa học (Sénh)	GD&P (Tập)	Toán (Mạnh)	Địa lí (Chính)
	3	Ngữ Văn (Quân)	Tiếng anh (Dung)	Lịch sử (Hương)	Hóa học (Sénh)	Tiếng anh (Trang)	Lịch sử (Huệ)	Địa lí (Vĩnh)	Toán (Phượng)	GD&P (Tập)	Tin học (Tuấn)
	4	Lịch sử (Hương)	Tiếng anh (Dung)	Hóa học (Sénh)	Địa lí (Vĩnh)	Ngữ Văn (Huyền)	Tiếng anh (Trang)	Lịch sử (Huệ)	Toán (Phượng)	Ngữ Văn (Quân)	GD&P (Thư)
	5										
Thứ 4	1	Địa lí (Thảo)	Sinh học (Ngát)	Toán (Trường)	Lịch sử (Huệ)	Tiếng anh (Trang)	GDTC - (Tâm)	Địa lí (Vĩnh)	Tiếng anh (Dung)	Ngữ Văn (Quân)	Sinh học (Đức)
	2	Địa lí (Thảo)	GD&P (Vũ)	Toán (Trường)	Địa lí (Vĩnh)	Lịch sử (Huệ)	Tiếng anh (Trang)	GDTC - (Tâm)	Toán (Phượng)	Ngữ Văn (Quân)	Tiếng anh (Dung)
	3	Vật lí (Dũng)	Địa lí (Thảo)	GD&P (Hiếu)	GDTC - (Tâm)	Tin học (Tuấn)	Lịch sử (Huệ)	Tiếng anh (Trang)	Địa lí (Vĩnh)	Tiếng anh (Dung)	Toán (Phượng)
	4	Vật lí (Dũng)	Tiếng anh (Dung)	Địa lí (Thảo)	Tiếng anh (Trang)	GDTC - (Tâm)	Tin học (Tuấn)	Lịch sử (Huệ)	Địa lí (Vĩnh)	GD&P (Hiếu)	GD&P (Vũ)
	5										
Thứ 5	1	Toán (Trường)	Sinh học (Ngát)	Tiếng anh (Dung)	Tiếng anh (Trang)	Địa lí (Vĩnh)	Ngữ Văn (Linh)	GDTC - (Tâm)	Vật lí (Dũng)	Địa lí (Chính)	GD&P (Hiếu)
	2	Toán (Trường)	GD&P (Nga)	Ngữ Văn (Quân)	GDTC - (Tâm)	Tiếng anh (Trang)	Địa lí (Vĩnh)	CĐ Toán - (Thư)	Sinh học (Ngát)	CĐ Địa lí (Thảo)	Tiếng anh (Dung)
	3	Sinh học (Ngát)	Toán (Q.Tâm)	GD&P (Nga)	CĐ Toán - (Thư)	GDTC - (Tâm)	Tiếng anh (Trang)	Ngữ Văn (Linh)	Địa lí (Vĩnh)	GD&P (Vũ)	Địa lí (Chính)
	4	GD&P (Nga)	Toán (Q.Tâm)	GD&P (Vũ)	Sinh học (Đức)	CĐ Toán - (Thư)	GDTC - (Tâm)	Tiếng anh (Trang)	GD&P (Hiếu)	CĐ C.Nghệ (Phượng)	CĐ Địa lí (Thảo)
	5										
Thứ 6	1	Tiếng anh (Trang)	Hóa học (Nga)	Hóa học (Sénh)	Sinh học (Đức)	Toán (Q.Tâm)	Vật lí (Dũng)	GD&P (Vũ)	Ngữ Văn (Huyền)	Lịch sử (Huệ)	Ngữ Văn (Quân)
	2	GDTC - (Tâm)	Hóa học (Nga)	Toán (Trường)	Hóa học (Sénh)	Toán (Q.Tâm)	Vật lí (Dũng)	Sinh học (Đức)	Ngữ Văn (Huyền)	Lịch sử (Huệ)	Ngữ Văn (Quân)
	3	Hóa học (Nga)	Ngữ Văn (Linh)	GDTC - (Tâm)	Vật lí (Dũng)	Ngữ Văn (Huyền)	CĐCN (Q.Tâm)	Hóa học (Sénh)	Sinh học (Ngát)	Sinh học (Đức)	Lịch sử (Huệ)
	4	Toán (Trường)	GDTC - (Tâm)	Tiếng anh (Dung)	Vật lí (Dũng)	Ngữ Văn (Huyền)	Ngữ Văn (Linh)	Toán (Q.Tâm)	Hóa học (Nga)	Sinh học (Ngát)	Lịch sử (Huệ)
	5										
Thứ 7	1	GDTC - (Tâm)	Hóa học (Nga)	Hóa học (Sénh)	Toán (Mạnh)	GD&P (Hiếu)	Tin học (Tuấn)	Toán (Q.Tâm)	Sinh học (Ngát)	GD&P (Vũ)	Tiếng anh (Dung)
	2	GD&P (Hiếu)	GDTC - (Vũ)	GD&P (Mạnh)	Toán (Mạnh)	GD&P (Sénh)	Tin học (Tuấn)	Toán (Q.Tâm)	Hóa học (Nga)	Tiếng anh (Dung)	Sinh học (Đức)
	3	Hóa học (Nga)	GD&P (Hiếu)	GDTC - (Tâm)	Vật lí (Dũng)	Tin học (Tuấn)	Công nghệ (Q.Tâm)	Hóa học (Sénh)	Tiếng anh (Dung)	Công nghệ (Mạnh)	GD&P (Vũ)
	4	Hóa học (Nga)	GD&P (Vũ)	GD&P (Hiếu)	Hóa học (Sénh)	Tin học (Tuấn)	Công nghệ (Q.Tâm)	Ngữ Văn (Linh)	GDTC (Nhạ)	Công nghệ (Mạnh)	GDTC - (Tâm)
	5										

Sáng thực hiện từ 7h30; Chiều thực hiện từ 13h45
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Tập

Thứ	Tiết	A1	A2	A3	B1	B2	B3	B4	C1	C2	C3
Thứ 2	1	Lịch sử (Hương)	GDQP (Hiếu)	GDKT&PL (Vừ)	Ngữ Văn (Huyền)	Toán (Q.Tâm)	GDĐP (Tuấn)	GDĐP (Sếnh)	HĐTN (Nhân)		
	2	Tiếng anh (Trang)	GDKT&PL (Vừ)	Lịch sử (Hương)	Ngữ Văn (Huyền)	Công nghệ (Tuấn)	Toán (Trường)	Sinh học (Đức)			
	3	GDQP (Hiếu)	Lịch sử (Hương)	Tiếng anh (Dung)	Toán (Mạnh)	Công nghệ (Tuấn)	Ngữ Văn (Linh)	Sinh học (Đức)			
	4										
	5										
Thứ 3	1	GDTC - (Tâm)	Địa lí (Thảo)	GDQP (Hiếu)	HĐTN (Nhân)				Lịch sử 1 Hóa học	GDKTPL	HS không ôn tự học
	2	GDQP (Hiếu)	GDTC - (Tâm)	Địa lí (Thảo)					Lịch sử 1 Hóa học	GDKTPL	
	3	Địa lí (Thảo)	GDQP (Hiếu)	GDTC - (Tâm)					Địa lí 1 (Vật lí, Tiếng Anh, Sinh học)	Địa lí 2	HS không ôn tự học
	4										
	5										
Thứ 4	1	HĐTN (Nhân)			Ngữ Văn (Huyền)	GDKT&PL (Vừ)	Vật lí (Dũng)	GDQP (Hiếu)	GDTC (Nhạ)	Tiếng anh (Dung)	Tin học (Tuấn)
	2				GDQP (Hiếu)	GDKT&PL (Vừ)	Toán (Trường)	Ngữ Văn (Linh)	Vật lí (Dũng)	GDTC (Nhạ)	Tin học (Tuấn)
	3				GDĐP (Dũng)	Công nghệ (Tuấn)	GDQP (Hiếu)	GDKT&PL (Vừ)	Tiếng anh (Dung)	GDTC (Nhạ)	GDTC - (Tâm)
	4										
	5										
Thứ 5	1	GDTC - (Tâm)	GDKT&PL (Vừ)	GDQP (Hiếu)	Hóa học (Sếnh)	Toán (Q.Tâm)	Tin học (Tuấn)	Ngữ Văn (Linh)	Ngữ Văn (Huyền)	Ngữ Văn (Quân)	Toán (Phượng)
	2	GDQP (Hiếu)	GDTC - (Tâm)	GDKT&PL (Vừ)	Hóa học (Sếnh)	Tin học (Tuấn)	Công nghệ (Q.Tâm)	Ngữ Văn (Linh)	Ngữ Văn (Huyền)	Ngữ Văn (Quân)	Toán (Phượng)
	3	Tiếng anh (Trang)	GDQP (Hiếu)	GDTC - (Tâm)	GDĐP (Dũng)	Tin học (Tuấn)	Công nghệ (Q.Tâm)	GDĐP (Sếnh)	Địa lí 1	Lịch sử 2	HS không ôn tự học
	4										
	5										
Thứ 6	1	GDTC - (Tâm)	GDQP (Hiếu)	GDĐP (Nga)	GDĐP (Dũng)	GDKT&PL (Vừ)	Tin học (Tuấn)	Sinh học (Đức)	Toán (Phượng)	Địa lí	Ngữ Văn (Quân)
	2	GDĐP (Nga)	GDTC - (Tâm)	GDQP (Hiếu)	Sinh học (Đức)	Tin học (Tuấn)	Công nghệ (Q.Tâm)	GDKT&PL (Vừ)	Toán (Phượng)	Địa lí	Ngữ Văn (Quân)
	3	GDQP (Hiếu)	GDĐP (Nga)	GDTC - (Tâm)	Sinh học (Đức)	Tin học (Tuấn)	Công nghệ (Q.Tâm)	GDKT&PL (Vừ)	Vật lí, Tiếng Anh, Sinh học	Lịch sử 2	HS không ôn tự học
	4										
	5										
Thứ 7	1									Toán (Mạnh)	
	2									Toán (Mạnh)	
	3										
	4										
	5										